



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2026  
*Ho Chi Minh City, July 31, 2026*

Số: 16/TB/2026-BGE  
No.: 16/TB/2026-BGE

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ**  
**CHANGE IN PERSONNEL**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: - *The State Securities Commission*  
- *Hanoi Stock Exchange*

Căn cứ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 43/2026/NQ-HĐQT-BCGE ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Công ty Cổ phần BCG Energy, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty Cổ phần BCG Energy như sau:  
*Based on Resolution No: 43/2026/NQ-HĐQT-BCGE dated July 30, 2026 of BCG Energy Joint Stock Company, we would like to announce the change in personnel of BCG Energy Joint Stock Company as follows:*

**1. Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment:**

| STT<br>/No | Ông/Bà/Mr/Mrs.   | Chức vụ trước<br>khi bổ<br>nhiệm/Former<br>position in the<br>organization | Chức vụ được<br>bổ<br>nhiệm/Newly<br>appointed<br>position | Thời hạn bổ<br>nhiệm/Term | Ngày bắt<br>đầu có hiệu<br>lực/<br>Effective<br>date |
|------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------|
| 1          | Hoàng Việt Cường | Không có/<br>None                                                          | Phó Tổng Giám<br>đốc / Deputy<br>General<br>Director       |                           | 01/08/2026                                           |



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại Website:  
<https://bcgenenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>

*This information was published on the company's website at the link:*  
<https://bcgenenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin>

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Nghị quyết số 43/2026/NQ-HĐQT-BCGE /  
Decision No: 43/2026/NQ-HĐQT-BCGE.

**Đại diện tổ chức**  
**Organization representative**

**Người UQ CBTT**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)



**NGUYỄN TRUNG KIÊN**





*TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2026*  
*Ho Chi Minh City, July 30, 2026*

Số: 43/2026/NQ-HĐQT-BCGE

No: 43/2026/NQ-HĐQT-BCGE

## **NGHỊ QUYẾT** **RESOLUTION**

**V/v: Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần BCG Energy**  
**Re: Appointment of Deputy General Director of BCG Energy Joint Stock Company**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY** **THE BOARD OF DIRECTORS** **BCG ENERGY JOINT STOCK COMPANY**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;  
*Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and the Law amending and supplementing a number of articles of the Law on Enterprises No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;*
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần BCG Energy được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/08/2025 (sửa đổi, bổ sung lần thứ 19);  
*Pursuant to the Charter of BCG Energy Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders on August 14, 2025 (amended and supplemented for the 19<sup>th</sup> time);*
- Căn cứ Quyết định số 09/2022/QĐ-HĐQT-BCGE ngày 25/04/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần BCG Energy v/v ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần BCG Energy (sửa đổi, bổ sung lần thứ 12);  
*Pursuant to Decision No. 09/2022/QĐ-HĐQT-BCGE dated April 25, 2022 of the Board of Directors of BCG Energy Joint Stock Company promulgating the Regulations on Organization and Operation of BCG Energy Joint Stock Company (amended and supplemented for the 12<sup>th</sup> time);*
- Căn cứ Biên bản họp số 43/2026/BB-HĐQT-BCGE ngày 30/07/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần BCG Energy.  
*Pursuant to the Minutes of Meeting No. 43/2026/BB-HĐQT-BCGE dated July 30, 2026, of the Board of Directors of BCG Energy Joint Stock Company.*





## QUYẾT NGHỊ RESOLVES

**Điều 1.** Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần BCG Energy (“Công ty”):

**Article 1.** *To approve the appointment of the Deputy General Director of BCG Energy Joint Stock Company (“Company”):*

Bổ nhiệm ông Hoàng Việt Cường với các thông tin sau giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/08/2026.

*Appointment of Mr. Hoang Viet Cuong, with the following particulars, as Deputy General Director of the Company, effective from August 01, 2026.*

- Họ và tên / *Fullname*: Hoàng Việt Cường
- Năm sinh / *Date of birth*: 1977
- Trình độ chuyên môn / *Professional qualifications*:
  - Cử nhân Kinh tế Phát triển / *Bachelor of Development Economics*
  - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh / *Master of Business Administration*

**Điều 2.** Ông Hoàng Việt Cường có quyền hạn, trách nhiệm và quyền lợi như sau:

**Article 2.** *Mr. Hoang Viet Cuong shall have the following powers, responsibilities and entitlements:*

- Thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc theo phân công, phân nhiệm của Tổng Giám đốc và theo quy định tại Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan;

*Perform the responsibilities and rights of the Deputy General Director as assigned and authorized by the General Director and in accordance with the Charter of the Company, internal Regulations of the Company and relevant laws;*

- Được hưởng mức lương, các khoản phụ cấp và các chế độ khác căn cứ theo quy định hiện hành của Công ty.

*Receive salary, allowances and other benefits according to the current regulations of the Company.*

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông/Bà Ban điều hành, Trưởng các Khối, Phòng ban, Bộ phận thuộc Công ty, Lãnh đạo các Công ty thành viên, Công ty liên kết, các đơn vị trực thuộc Công ty và ông Hoàng Việt Cường chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

444  
ÔNG  
Ổ PH.  
ENE  
HỒ

*Article 3. This Resolution shall take effect from the date of signing. Members of the Board of Management, Head of the Divisions, Departments of the Company, Leaders of Subsidiaries, Affiliates of the Company and Mr. Hoang Viet Cuong are responsible for the implementation of this Resolution.*

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như Điều 3/As Article 3
- HĐQT (để báo cáo)/BOD (to report)
- Lưu: HĐQT/Filing: BOD

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS**

**CHỦ TỊCH / CHAIRMAN**  
  
The stamp is red and circular. It contains the text "M.S.D. 33444545" at the top, "CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY" in the center, and "THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH" at the bottom. A signature is written over the stamp.

**Ng Wee Siong, Leonard**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
*SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
*Independence – Freedom – Happiness*

-----

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**  
*CURRICULUM VITAE*

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- *The State Securities Commission;*  
- *Hanoi Stock Exchange.*

|     |                                                                                                                                              |                                                                    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Họ và tên / <i>Full name</i>                                                                                                                 | Hoàng Việt Cường / <i>Hoang Viet Cuong</i>                         |
| 2.  | Giới tính / <i>Sex</i>                                                                                                                       | Nam / <i>Male</i>                                                  |
| 3.  | Ngày sinh / <i>Date of birth</i>                                                                                                             |                                                                    |
| 4.  | Nơi sinh / <i>Place of birth</i>                                                                                                             |                                                                    |
| 5.  | Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ <i>ID card No. (or Passport No.)</i> ; Ngày cấp/ <i>Date of issue</i> ; Nơi cấp/ <i>Place of issue</i> :         |                                                                    |
| 6.  | Quốc tịch / <i>Nationality</i>                                                                                                               | Việt Nam / <i>Vietnamese</i>                                       |
| 7.  | Dân tộc / <i>Ethnic</i>                                                                                                                      | Kinh                                                               |
| 8.  | Địa chỉ thường trú / <i>Permanent residence</i>                                                                                              |                                                                    |
| 9.  | Số điện thoại / <i>Telephone number</i>                                                                                                      |                                                                    |
| 10. | Địa chỉ email / <i>Email</i>                                                                                                                 |                                                                    |
| 11. | Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/<br><i>Organisation's name subject to information disclosure rules</i>                            | Công ty Cổ phần BCG Energy / <i>BCG Energy Joint Stock Company</i> |
| 12. | Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/<br><i>Current position in an organization subject to information disclosure</i> | Không có / <i>None</i>                                             |

|     |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 13. | Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác /<br><i>Positions in others companies</i>                                                                                            | Phó Ban Chiến Lược - Ngân hàng TMCP Nam Á / <i>Deputy Head of Strategy - Nam A Commercial Joint Stock Bank</i> |
| 14. | Số CP nắm giữ: ....., chiếm ....% vốn điều lệ /<br><i>Number of shares in possession..... , accounting for ....% of registered capital</i>                                          | Không / <i>None</i>                                                                                            |
|     | Trong đó / <i>Of which</i><br>- Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: <i>Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution)</i> | Không / <i>None</i>                                                                                            |
|     | - Cá nhân sở hữu/ <i>Possess for own account</i>                                                                                                                                    | Không / <i>None</i>                                                                                            |
| 15. | Các cam kết nắm giữ (nếu có) / <i>Other commitment of holding shares (if any)</i>                                                                                                   | Không / <i>None</i>                                                                                            |
| 16. | Danh sách người có liên quan của người khai / <i>List of related persons of declarant</i>                                                                                           |                                                                                                                |



| Stt<br>No. | Mã CK<br>Securities<br>symbol | Họ tên Name                                                 | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>accounts<br>(if<br>available<br>) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br>Position at<br>the company<br>(if available) | Mối quan<br>hệ đối<br>với công<br>ty/người<br>nội bộ<br>Relations<br>with<br>the<br>company<br>/<br>internal<br>person | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(*)<br>(CMND/Pa<br>ssport/ Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of<br>documents<br>(ID/<br>Passport/<br>Business<br>Registrati<br>on<br>Certificate<br>) | Số Giấy<br>NSH (*)/<br>NSH No. | Ngày cấp Date<br>of issue | Nơi cấp Place of issue                         | Địa chỉ trụ sở chính/Địa<br>chỉ liên hệ<br>Address/Head office<br>address | Số cổ<br>phiếu<br>sở<br>hữu<br>cuối<br>kỳ<br>Numb<br>er of<br>shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Thời<br>điểm bắt<br>đầu là<br>người có<br>liên<br>quan của<br>công<br>ty/người<br>nội bộ<br>Time the<br>person<br>became<br>an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/người<br>nội bộ<br>Time the<br>person<br>ceased to<br>be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Lý do<br>(khi phát<br>sinh thay<br>đổi liên<br>quan đến<br>mục 13<br>và 14)<br>Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related<br>to<br>sections<br>of 13<br>and 14) | Ghi chú<br>(về việc<br>không có<br>số Giấy<br>NSH và<br>các ghi<br>chú khác)<br>Notes<br>(i.e. not<br>in<br>possession<br>of a NSH<br>No. and<br>other<br>notes) |
|------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                             | 3                                                           | 4                                                                                                                     | 5                                                                                  | 6                                                                                                                      | 7                                                                                                                                                                  | 8                              | 9                         | 10                                             | 11                                                                        | 12                                                                                                                 | 13                                                                                                        | 14                                                                                                                                                                            | 15                                                                                                                                                                                    | 16                                                                                                                                                                     | 17                                                                                                                                                               |
| 1          |                               | <b>Hoàng Việt<br/>Cường/<br/>Hoang Viet<br/>Cuong</b>       |                                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                                        | <b>CCCD/<br/>ID</b>                                                                                                                                                |                                |                           | <b>Cục Cảnh<br/>sát/Police<br/>Department</b>  |                                                                           |                                                                                                                    |                                                                                                           |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                  |
| 1.01       |                               | <b>Hoàng Trương<br/>Phương/<br/>Hoang Trương<br/>Phuong</b> |                                                                                                                       | <b>Không/<br/>No</b>                                                               | <b>Cha/<br/>dad</b>                                                                                                    | <b>CCCD/<br/>ID</b>                                                                                                                                                |                                |                           | <b>Cục Cảnh sát/<br/>Police<br/>Department</b> |                                                                           |                                                                                                                    | -                                                                                                         |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                  |
| 1.02       |                               | <b>Lương Thị<br/>Đương/<br/>Lương Thị<br/>Duong</b>         |                                                                                                                       | <b>Không/<br/>No</b>                                                               | <b>Mẹ/<br/>Mom</b>                                                                                                     | <b>CCCD/<br/>ID</b>                                                                                                                                                |                                |                           | <b>Cục Cảnh sát/<br/>Police<br/>Department</b> |                                                                           |                                                                                                                    | -                                                                                                         |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                  |
| 1.03       |                               | <b>Giang Ngọc<br/>Anh/<br/>Giang Ngoc<br/>Anh</b>           |                                                                                                                       | <b>Không/<br/>No</b>                                                               | <b>Vợ/<br/>Wife</b>                                                                                                    | <b>CCCD/<br/>ID</b>                                                                                                                                                |                                |                           | <b>Cục Cảnh sát/<br/>Police<br/>Department</b> |                                                                           |                                                                                                                    | -                                                                                                         |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                  |



| Stt No. | Mã CK<br>Securities symbol | Họ tên Name                                     | Tài khoản<br>khoản giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities trading accounts<br>(if available) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br>Position at the company<br>(if available) | Mối quan hệ<br>với công ty/người<br>nội bộ<br>Relations<br>hip with the company<br>/ internal person | Loại hình<br>Giấy NSH<br>(*)<br>(CMND/Passport/ Giấy<br>ĐKKD)<br>Type of documents<br>(ID/ Passport/<br>Business Registrati<br>on Certificate ) | Số Giấy<br>NSH (*)/<br>NSH No. | Ngày cấp Date<br>of issue | Nơi cấp Place of issue                | Địa chỉ trụ sở chính/Địa<br>chỉ liên hệ<br>Address/Head office<br>address | Số cổ<br>phiếu<br>sở hữu<br>cuối kỳ<br>Number of shares<br>owned at the end of<br>the period | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the period | Thời<br>điểm bắt<br>đầu là<br>người có<br>liên quan của<br>công ty/người<br>nội bộ<br>Time the person<br>became an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/người<br>nội bộ<br>Time the person<br>ceased to<br>be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Lý do<br>(khi thay<br>đổi liên<br>quan đến<br>mục 13<br>và 14).<br>Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related<br>to<br>sections<br>of 13<br>and 14 ) | Ghi chú<br>(về việc<br>không có<br>số Giấy<br>NSH và<br>các ghi<br>chú khác)<br>Notes<br>(i.e. not<br>in<br>possession<br>of a NSH<br>No. and<br>other<br>notes) |
|---------|----------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.04    |                            | Hoàng Bảo<br>Giang/<br>Hoang Bao<br>Giang       |                                                                                                          | Không/<br>No                                                                 | Con/<br>Child                                                                                        | CCCD/<br>ID                                                                                                                                     |                                |                           | Cục Cảnh sát/<br>Police<br>Department |                                                                           |                                                                                              |                                                                                                           |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                  |
| 1.05    |                            | Hoàng Thị<br>Hồng Phi/<br>Hoang Thi<br>Hong Phi |                                                                                                          | Không/<br>No                                                                 | Em/<br>Young<br>er<br>sister                                                                         | CCCD/<br>ID                                                                                                                                     |                                |                           | Cục Cảnh sát/<br>Police<br>Department |                                                                           |                                                                                              |                                                                                                           |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                  |
| 1.06    |                            | Hoàng Thị<br>Phượng/<br>Hoang Thi<br>Phuong     |                                                                                                          | Không/<br>No                                                                 | Em/<br>Young<br>er<br>sister                                                                         | CCCD/<br>ID                                                                                                                                     |                                |                           | Cục Cảnh sát/<br>Police<br>Department |                                                                           |                                                                                              |                                                                                                           |                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                  |

**Ghi chú: Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019**

46. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

|     |                                                                                                                                        |       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 17. | Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ <i>Related interest with public company, public fund (if any)</i> | Không |
| 18. | Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ <i>Conflict interest with public company, public fund (if any)</i>  | Không |

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật / *I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2026

*Ho Chi Minh City, ..... July 25 ....., 2026*

**Người khai/ Declarant**

*Ký, ghi rõ họ tên/ Sign and write full name*

  
 Hồng Việt Cường